

Thứ hai, ngày 2 tháng 8 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/8/2021		•	
Tuần 2/8-6/8/2021		•	
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư lan tỏa vào thị trường khi có 16/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng trở lại trên sàn cả hai sàn HSX và HNX. Đồng thời, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản suy giảm so với phiên trước cho thấy tâm lý giao dịch vẫn đang khá thận trọng. Với xu hướng như vậy, VN-index có thể sẽ vận động ngắn hạn trong vùng điểm 1300-1350 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 2/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: TNG_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **+4.17 điểm**, đóng cửa **1314.22**. HNX-Index **+0.08 điểm**, đóng cửa **314.93**.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+2.07); BID(+1.60); MWG (+0.76); MSN (+0.70); HVN (+0.50)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.98); CTG (-0.81); SAB (-0.65); ACB (-0.42); VPB (-0.39)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,330 tỷ đồng**, **-9.04%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 19,791 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 8.1 điểm. Thị trường có **209 mã tăng**, 41 mã tham chiếu và **167 mã giảm**.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **296.85 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **SSI (111. 7 tỷ), HPG (70.2 tỷ) và HDB (61.1 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.49 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1310.05**
Giá trị: 18330.27 tỷ **16.45 (+1.27%)**
Khối ngoại (ròng): 296.85 tỷ

HNX-INDEX **314.85**
Giá trị: 2441.94 tỷ **3.88 (+1.25%)**
Khối ngoại (ròng): 4.49 tỷ

UPCOM-INDEX **86.93**
Giá trị: 1193.09 tỷ **0.79 (+0.92%)**
Khối ngoại (ròng): -7.81 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	73.1	-1.10%
Giá vàng	1,807	-0.39%
Tỷ giá USD/VND	22,956	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,281	0.16%
Tỷ giá JPY/VND	20,927	0.06%
LS liên NH 1 tháng	1.4%	12.79%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-1.91%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	111.7	VNM	-42.0
HPG	70.2	DGW	-34.6
HDB	61.1	SAB	-26.9
VHM	48.8	E1FVN30	-24.2
VND	48.0	GAS	-21.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

TNG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: TNG đang nằm trong xu hướng hồi phục từ vùng đáy 18.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều cho thấy tín hiệu hồi phục. Đường giá cổ phiếu đã cắt lên đầu mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 22.0 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 27.0. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 20.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

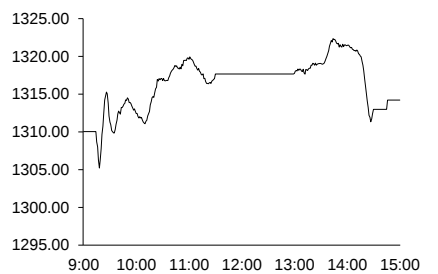
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	3.44%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.82%
Bán lẻ	2.38%
Bảo hiểm	1.87%
Công nghệ Thông tin	1.44%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.95%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.83%
Xây dựng và Vật liệu	0.60%
Dịch vụ tài chính	0.48%
Dầu khí	0.46%
Hóa chất	0.41%
Y tế	0.33%
Tài nguyên Cơ bản	0.31%
Thực phẩm và đồ uống	0.29%
Truyền thông	0.15%
Bất động sản	0.06%
Viễn thông	0.00%
Ngân hàng	-0.24%
Ô tô và phụ tùng	-0.66%

Hình 1

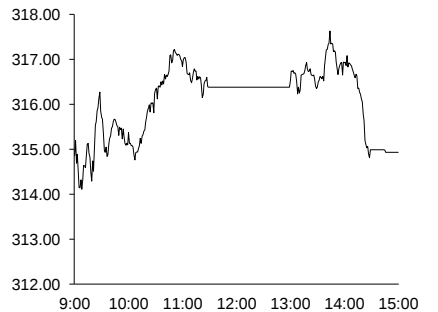
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
29/7/21	CTG	33.9	40	32	33.75	4	-0.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	24.3	5	2.97%	Có thể tiếp tục mua
26/7/21	GVR	32.5	37.5	30	33.5	7	3.08%	Có thể tiếp tục mua
23/7/21	BFC	27.4	30.5	24.5	30.1	10	9.85%	Cân nhắc không mua thêm (**)
22/7/21	DPG	32.65	39.5	29.85	34.2	11	4.75%	Có thể tiếp tục mua
21/7/21	TDM	29.8	33	28.2	30.8	12	3.36%	Có thể tiếp tục mua
19/7/21	CTR	75	85	69.3	81.8	14	9.07%	Có thể tiếp tục mua
16/7/21	PDR	90.2	106.5	85	93.6	17	3.77%	Có thể tiếp tục mua
15/7/21	ACB	32.75	38	30	35.55	18	8.55%	Có thể tiếp tục mua
14/7/21	ACV	75	84	72	74.9	19	-0.13%	Có thể giữ nguyên vị thế
13/7/21	KBC	32.5	40	30	34.55	20	6.31%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/7/21	ITD	18	20.25	15.25	17.4	24	-3.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/7/21	MWG	165.8	196	154.5	169.9	26	2.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/7/21	LHG	45.4	55.5	41.35	51.2	27	12.78%	Có thể tiếp tục mua
31/5/21	PC1	27.6	32.5	23.5	26.6	63	-3.62%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) **Trạng thái kỹ thuật không tốt**
 (**) **Tiệm cận giá mục tiêu**

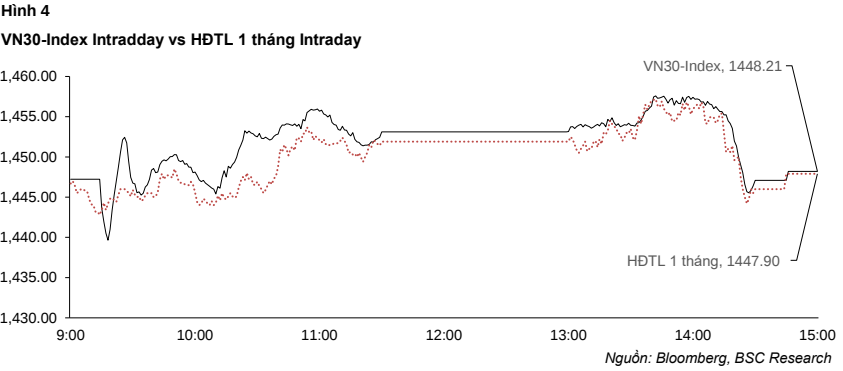
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
27/7/21	DCM	18.9	21	17.5	TP	6	11.11%
20/7/21	LIX	59.1	65	57	SL	3	-3.55%
12/7/2021	VPG	38	42	32.5	TP	9	10.53%
8/7/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
5/7/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
2/7/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
1/7/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
30/6/21	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
29/6/21	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
28/6/21	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
25/6/21	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
24/6/21	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
23/6/21	CTD	65.4	72	58.5	SL	26	-10.55%
22/6/21	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
21/6/21	POW	12.5	14	11.3	SL	16	-9.60%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	11	4	6.09%	-1.88%	3.96%	18
Cổ phiếu đã chốt	163	109	13.64%	-7.87%	5.02%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1447.90	0.20%	-0.31	-8.3%	215,991	8/19/2021	19
VN30F2109	1448.40	0.33%	0.19	-42.3%	228	9/16/2021	47
VN30F2112	1443.00	0.51%	-5.21	52.9%	52	12/16/2021	138
VN30F2203	1448.00	0.53%	-0.21	-92.6%	7	3/17/2022	229

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +0.98 điểm lên 1448.21 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, FPT, ACB, STB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1445-1455 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2105	8/27/2021	25	8:1	217,800	34.37%	2,950	5,700	11.33%	4,854	1.17	155,100	131,500	169,900
CMSN2103	8/13/2021	11	6:1	101,100	38.78%	3,000	8,260	6.58%	8,054	1.03	106,000	88,000	136,200
CKDH2102	8/13/2021	11	2:1	90,300	33.39%	2,800	6,670	4.22%	4,622	1.44	33,364	28,273	40,300
CMWG2104	3/22/2022	232	10:1	180,300	34.37%	2,400	6,370	2.74%	4,264	1.49	159,000	135,000	169,900
CSTB2104	8/27/2021	25	1:1	59,000	46.05%	4,000	8,190	2.37%	6,496	1.26	26,900	22,900	29,300
CVPB2103	8/9/2021	7	2:1	246,500	40.31%	2,700	12,140	2.02%	11,967	1.01	41,900	36,500	60,400
CHPG2106	8/27/2021	25	2:1	62,000	39.21%	4,100	8,680	2.00%	450	19.30	42,937	36,908	47,250
CTCB2103	8/9/2021	7	2:1	296,500	40.34%	2,900	7,700	0.00%	7,666	1.00	41,300	35,500	50,800
CVPB2104	8/27/2021	25	3:1	59,800	40.31%	2,500	6,190	0.00%	3,869	1.60	56,500	49,000	60,400
CNVL2102	9/27/2021	56	16:1	69,000	35.72%	1,100	2,600	0.00%	36	72.40	107,608	94,636	104,600
CHPG2105	8/9/2021	7	2:1	196,800	39.21%	3,000	11,150	-0.36%	2,650	4.21	48,000	42,000	47,250
CTCB2101	10/5/2021	64	1:1	22,400	40.34%	5,000	23,360	-0.60%	20,060	1.16	36,000	31,000	50,800
CPDR2102	9/27/2021	56	5:1	99,200	37.34%	1,100	3,720	-1.06%	1,667	2.23	94,499	88,999	93,600
CKDH2002	8/16/2021	14	4:1	496,900	33.39%	1,600	4,280	-2.73%	3,254	1.32	30,666	24,848	40,300
CPDR2101	9/27/2021	56	5:1	406,600	37.34%	1,100	2,640	-2.94%	1,319	2.00	94,388	88,888	93,600
CSTB2103	8/9/2021	7	2:1	470,500	46.05%	1,400	5,700	-3.72%	5,658	1.01	20,800	18,000	29,300
CTCB2104	8/27/2021	25	2:1	37,300	40.34%	2,000	6,100	-4.84%	2,781	2.19	49,800	45,800	50,800
CVHM2104	8/9/2021	7	10:1	628,600	34.82%	1,600	1,070	-9.32%	1,023	1.05	114,000	98,000	108,100
CHPG2107	8/12/2021	10	5:1	581,900	39.21%	1,300	1,560	-12.85%	0	39,000.00	48,463	43,684	47,250
CHPG2108	8/12/2021	10	5:1	490,600	39.21%	1,200	1,540	-13.97%	0	38,500.00	48,124	43,713	47,250
Tổng				4,595,300	38.70%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 2/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.
- CMWG2105 và CMSN2102 tăng mạnh lần lượt là 11.33% và 10.10%. Trái lại, CHPG2108 và CHPG2107 giảm mạnh lần lượt là -13.97% và -12.85%. Giá trị giao dịch giảm -13.09%. CHPG2106 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.88% thị trường.
- CTCB2103, CVPB2103, CSTB2103, CMSN2103, và CVHM2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CVPB2103, và CMSN2103 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	169.9	3.5%	0.9	3,511	12.0	9,051	18.8	4.7	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	95.6	-0.2%	0.9	945	2.2	5,816	16.4	3.8	49.0%	25.4%
BVH	Bảo hiểm	52.3	2.3%	1.4	1,688	2.2	2,548	20.5	1.9	26.8%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	38.4	-2.5%	0.5	373	0.1	3,495	11.0	1.2	53.0%	10.9%
VIC	Bất động sản	107.5	0.3%	0.7	15,809	7.9	2,174	49.4	4.5	15.2%	9.0%
VRE	Bất động sản	27.5	-0.5%	1.1	2,717	3.9	1,175	23.4	2.1	30.6%	9.3%
VHM	Bất động sản	108.1	-0.2%	1.0	15,461	22.5	9,941	10.9	3.7	23.3%	39.9%
DXG	Bất động sản	21.7	0.7%	1.3	489	4.8	1,586		1.7	28.7%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	55.0	0.7%	1.5	1,566	36.8	2,817	19.5	3.2	48.2%	16.5%
VCI	Chứng khoán	49.9	0.2%	1.0	722	11.5	3,459	14.4	3.1	20.9%	25.4%
HCM	Chứng khoán	48.1	0.5%	1.6	638	13.3	2,899	16.6	3.1	47.8%	19.4%
FPT	Công nghệ	95.6	1.7%	0.9	3,772	17.8	4,233	22.6	5.2	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	82.0	0.1%	0.4	1,171	0.1	4,304	19.1	5.7	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	93.5	4.4%	1.3	7,781	6.3	4,077	22.9	3.8	2.8%	16.2%
PLX	Dầu khí	51.5	0.4%	1.5	2,785	2.0	2,915	17.7	2.7	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	24.9	0.4%	1.7	517	9.0	1,160	21.5	1.0	7.7%	4.5%
BSR	Dầu khí	19.2	0.5%	0.8	2,588	12.1	(909)	N/A N/A	1.9	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	93.9	0.3%	0.3	534	0.0	5,761	16.3	3.6	54.6%	22.8%
DPM	Hóa chất	26.6	4.1%	0.8	453	6.4	1,928	13.8	1.3	14.0%	9.4%
DCM	Hóa chất	20.6	2.0%	0.7	474	7.2	1,122	18.4	1.7	2.3%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.0	-1.0%	1.1	15,642	5.4	5,709	17.0	3.6	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	42.6	3.5%	1.3	7,441	7.3	2,477	17.2	2.1	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	33.8	-1.9%	1.3	7,052	37.0	3,692	9.1	1.8	24.5%	20.9%
VPB	Ngân hàng	60.4	-1.0%	1.2	6,446	20.1	5,052	12.0	2.5	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.8	-0.3%	1.2	4,731	15.9	2,764	10.4	2.0	21.8%	21.5%
ACB	Ngân hàng	35.6	-1.7%	1.0	4,176	13.4	3,589	9.9	2.4	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	57.2	1.8%	0.7	204	0.3	6,160	9.3	2.0	83.4%	20.3%
NTP	Nhựa	48.5	-2.8%	0.4	248	0.4	4,085	11.9	2.1	19.2%	18.3%
MSR	Tài nguyên	19.5	0.0%	0.7	932	0.3	39	500.0	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	47.3	-0.1%	1.1	9,189	49.9	4,056	11.6	3.2	26.7%	31.3%
HSG	Thép	37.4	0.3%	1.4	795	27.1	7,745	4.8	1.9	9.9%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	86.5	0.5%	0.6	7,860	9.7	4,572	18.9	5.7	55.2%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	155.1	-2.5%	0.8	4,324	1.6	7,293	21.3	4.8	62.8%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	136.2	1.6%	0.9	6,991	7.5	1,281	106.3	9.9	33.3%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	18.9	1.9%	1.2	507	3.0	1,131	16.7	1.5	8.9%	8.7%
ACV	Vận tải	74.9	-1.2%	0.8	7,089	0.3	577	129.8	4.3	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	115.5	2.2%	1.1	2,720	2.5	2,256		4.1	18.3%	8.3%
HVN	Vận tải	22.8	5.8%	1.7	1,403	2.5	(7,377)		28.3	9.1%	-155.4%
GMD	Vận tải	47.3	2.6%	1.0	620	10.1	1,246	38.0	2.4	42.0%	6.2%
PVT	Vận tải	19.1	3.2%	1.3	269	3.0	2,281	8.4	1.2	15.3%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	122.3	3.0%	0.9	851	5.5	9,806	12.5	4.6	4.0%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	30.6	0.5%	0.4	597	0.5	1,604	19.1	2.1	5.7%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	1.0%	0.9	261	0.4	1,651	9.5	1.1	2.9%	11.3%
CTD	Xây dựng	62.7	-0.5%	1.0	201	0.9	3,352	18.7	0.6	43.8%	3.0%
CII	Xây dựng	16.3	0.9%	0.5	169	1.7	56	292.1	0.8	22.2%	0.2%
REE	Điện	54.0	-1.8%	-1.4	726	1.5	5,806	9.3	1.4	49.0%	15.8%
PC1	Điện	26.6	-0.9%	-0.4	221	0.6	2,371	11.2	1.3	10.2%	13.2%
POW	Điện	10.8	0.5%	0.6	1,095	3.8	1,037	10.4	0.9	3.0%	8.6%
NT2	Điện	18.6	0.5%	0.5	233	0.4	1,093	17.0	1.3	14.1%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	34.6	0.3%	1.1	706	11.9	1,639	21.1	1.6	19.5%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	41.8	0%	0.9	1,881	0.1			2.8	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	93.50	4.35	2.02	1.57MLN
BID	42.55	3.53	1.58	3.96MLN
MWG	169.90	3.53	0.75	1.63MLN
MSN	136.20	1.64	0.70	1.27MLN
HVN	22.75	5.81	0.48	2.56MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.00	1.29MLN	1.11MLN
SAB	0.00	-0.68	237200	607060
CTG	0.00	-0.65	25.10MLN	373600
ACB	0.00	-0.44	8.65MLN	192700
VPB	0.00	-0.40	7.58MLN	611640

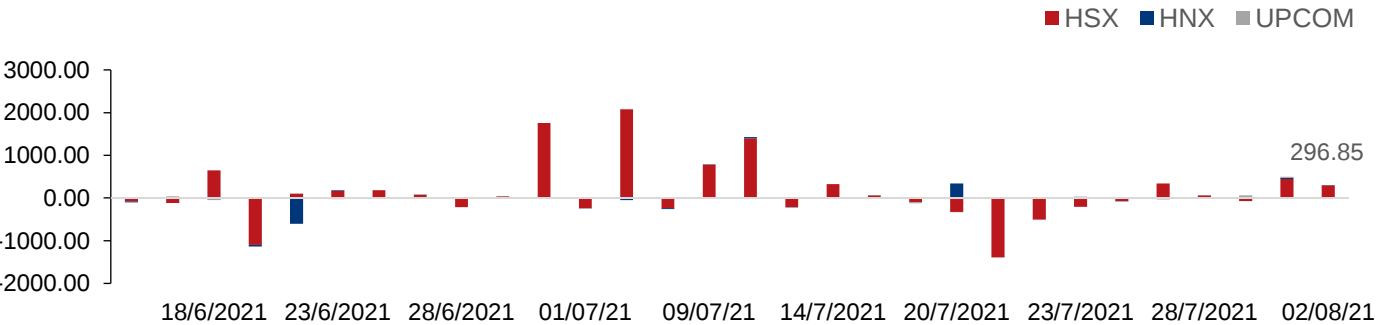
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNL	19.90	6.99	0.00	190600.00
DQC	20.00	6.95	0.01	98000
VOS	8.31	6.95	0.02	2.59MLN
CMG	45.40	6.95	0.08	293300
BFC	30.10	6.93	0.03	951900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L10	16.65	-6.98	0.00	200
PSH	18.60	-6.77	-0.05	1.40MLN
TPC	8.70	-6.35	0.00	200.00
LCM	2.30	-5.74	0.00	48900
CVT	37.80	-5.74	-0.02	5000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.6	3,589	9.9	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	74.9	577	129.8	4.3	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.5	600	15.8	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.3	-363		0.8	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	32.6	3,949	8.2	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	33.8	3,692	9.1	1.8	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	20.6	1122.1	18.4	1.7	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	97.1	5,868	16.5	3.7	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	149.5	9,205	16.2	4.7	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	26.6	1,928	13.8	1.3	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	30.9	2,869	10.8	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	21.7	1,586		1.7	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	95.6	4,233	22.6	5.2	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	33.5	1,201	27.9	2.8	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	52.8	7,082	7.5	2.4	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.3	4,056	11.6	3.2	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	37.4	7,745	4.8	1.9	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.8	1,651	9.5	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.1	-1,169		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	34.6	1,639	21.1	1.6	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	40.3	1,946	20.7	3.0	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	25.0			1.9	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.0	3,258	10.7	1.3	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	69.8	5,257	13.3	2.4	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	136.2	1,281	106.3	9.9	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	169.9	9,051	18.8	4.7	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	42.7	3,925	10.9	1.9	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.0	2,380	11.8	1.7	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	95.6	5,816	16.4	3.8	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.8	1,037	10.4	0.9	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.4	0	119.9	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	24.9	1,160	21.5	1.0	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	155.1	7,293	21.3	4.8	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	18.9	1,131	16.7	1.5	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	46.7	15775.2	3.0	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.8	4,613	11.0	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.0	5,709	17.0	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	42.6	4,166	10.2	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	17.1	570	30.0	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	40.6	4,038	10.1	1.4	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	108.1	9,941	10.9	3.7	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	86.5	4,572	18.9	5.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	60.4	5,052	12.0	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.5	1,175	23.4	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	87.1	3,256	26.8	7.5	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639